

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-32
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo quyết định số 990/QĐ/TGĐ ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và sửa đổi lần thứ 7 ngày 12/07/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó chủ tịch
Ông Cao Văn Tĩnh	Thành viên
Ông Chu Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cao Văn Tĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Triệu Thế Thuận	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Vũ Hoàng Lâm	Thành viên
Ông Cao Xuân Hợp	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Cao Văn Tấn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được lập ngày 08 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.336.866.202.508	1.217.425.344.732
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.098.106.162	37.477.068.220
111	1. Tiền		28.098.106.162	37.477.068.220
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.226.000.000.000	1.053.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.226.000.000.000	1.053.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		52.699.618.405	111.602.167.106
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	48.785.253.299	56.775.715.455
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	700.180.000	28.043.927.176
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.214.185.106	26.782.524.475
140	IV. Hàng tồn kho	9	10.340.302.221	9.374.316.379
141	1. Hàng tồn kho		10.340.302.221	9.374.316.379
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.728.175.720	5.971.793.027
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	7.595.912.243	3.366.109.895
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.347.272.858	415.495.032
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	1.784.990.619	2.190.188.100
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		418.423.308.941	280.393.640.786
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		140.986.000	158.986.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	140.986.000	158.986.000
220	II. Tài sản cố định		268.594.752.973	116.435.096.770
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	268.504.914.263	116.287.068.088
222	- Nguyên giá		1.416.440.079.362	1.241.238.824.144
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.147.935.165.099)	(1.124.951.756.056)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	89.838.710	148.028.682
228	- Nguyên giá		6.235.104.700	6.235.104.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.145.265.990)	(6.087.076.018)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	18.181.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	18.181.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	123.627.173.950	137.307.173.950
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		123.627.173.950	137.307.173.950
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.060.396.018	26.474.202.248
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	26.060.396.018	26.474.202.248
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.755.289.511.449	1.497.818.985.518

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		387.215.070.085	114.985.215.452
310	I. Nợ ngắn hạn		387.215.070.085	114.985.215.452
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	9.511.661.987	24.372.939.227
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		704.294.314	318.645.384
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	37.933.166.149	19.164.921.864
314	4. Phải trả người lao động		33.697.247.415	37.065.344.913
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	642.695.336	21.681.905
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	209.425.348.873	6.668.152.890
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	75.211.524.842	14.160.188.100
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		20.089.131.169	13.213.341.169
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.368.074.441.364	1.382.833.770.066
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	1.368.074.441.364	1.382.833.770.066
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		400.000.000.000	400.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		137.307.173.950	137.307.173.950
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		491.965.770.565	491.965.770.565
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		338.801.496.849	353.560.825.551
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		116.060.825.551	110.180.470.808
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		222.740.671.298	243.380.354.743
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.755.289.511.449	1.497.818.985.518

		
Lê Thị Hải Thành	Đoàn Minh Trung	Cao Văn Tĩnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	261.540.987.530	299.367.024.704
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		261.540.987.530	299.367.024.704
11	4. Giá vốn hàng bán	20	131.692.987.401	122.149.960.098
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		129.848.000.129	177.217.064.606
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	98.449.302.888	17.790.413.040
22	7. Chi phí tài chính	22	623.314.667	6.167.793
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	31.710.857.277	24.660.584.371
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		195.963.131.073	170.340.725.482
31	11. Thu nhập khác	24	134.058.369.958	21.890.049
32	12. Chi phí khác	25	66.829.457.064	-
40	13. Lợi nhuận khác		67.228.912.894	21.890.049
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		263.192.043.967	170.362.615.531
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	40.451.372.669	34.253.085.906
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>222.740.671.298</u>	<u>136.109.529.625</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	5.569	3.403

Lê Thị Hải Thành
Người lập

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		284.198.371.979	306.613.463.581
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(49.133.596.835)	(80.760.600.984)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(75.661.321.415)	(75.970.902.585)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.105.730.787)	(28.462.518.310)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		128.973.102.389	1.370.846.637
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.827.693.351)	(31.860.108.064)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		226.443.131.980	90.930.180.275
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(191.940.606.316)	(1.634.487.995)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.226.000.000.000)	(991.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.053.000.000.000	1.074.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		19.124.640.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		109.640.621.401	29.271.706.312
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(236.175.344.915)	110.637.218.317
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(76.400.000)	(199.688.100.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(76.400.000)	(199.688.100.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.808.612.935)	1.879.298.592
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		37.477.068.220	32.809.393.887
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		429.650.877	178.509.764
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	28.098.106.162	34.867.202.243

Lê Thị Hải Thành
Người lập

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Giao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo quyết định số 990/QĐ/TGĐ ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và sửa đổi lần thứ 7 ngày 12/07/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 400.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 400.000.000.000 đồng; tương đương 40.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 425 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 429 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và chủ yếu là diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	364.866.138	354.593.484
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.733.240.024	37.122.474.736
	<u><u>28.098.106.162</u></u>	<u><u>37.477.068.220</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.226.000.000.000	-	1.053.000.000.000	-
	<u><u>1.226.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.053.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

(*) Tại ngày 30/06/2023, Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 09 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam; Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 7,0%/năm đến 9,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
b) Dài hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (1)	123.627.173.950	-	-	123.627.173.950
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ (2)	-	-	-	13.680.000.000
	123.627.173.950	-	-	137.307.173.950

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty TNHH Vận tải Đường Thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7 năm 2010, hai bên đã thống nhất góp vốn thành lập Công ty Liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là 145.852.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ (tỷ lệ biểu quyết là 50%). Theo Nghị quyết số 11/SITC/NQ-HĐTV ngày 01/08/2013 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng sản xuất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51% (tương đương 2.500.000 USD). Tổng số vốn góp của Công ty là 128.672.013.800 đồng (tương đương 6.120.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ và 50% tỷ lệ quyền biểu quyết. Tại ngày 04/09/2020, Công ty đã chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 của Hội đồng quản trị. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2022, Công ty đang sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ, tương đương tổng mệnh giá 123.627.173.950 đồng. Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa.

(2) Theo biên bản góp vốn ngày 14 tháng 10 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Vạn Xuân, Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại và Dịch vụ Đình Vũ và các cổ đông khác quyết định thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ với số vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ góp 13.680.000.000 đồng (chiếm 45,6 % Vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 17 tháng 12 năm 2011 với hoạt động chính của Công ty là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa. Theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01/10/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua quyết định về việc giải thể Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đã hoàn tất việc giải thể theo Thông báo số 28168/23 ngày 04 tháng 07 năm 2023 của phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	29.073.000	-	46.202.400	-
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	-	7.128.000	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	29.073.000	-	39.074.400	-
<i>Bên khác</i>	48.756.180.299	-	56.729.513.055	-
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu Khí Đình Vũ	147.196.600	-	397.305.029	-
- SITC Container Lines Co., Ltd	40.294.461.503	-	46.418.157.382	-
- Công ty TNHH KMTC (Việt Nam)	-	-	1.441.708.349	-
- Các khách hàng khác	8.314.522.196	-	8.472.342.295	-
	48.785.253.299	-	56.775.715.455	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Kocks Ardelt Kranbau GMBH	-	-	27.153.351.174	-
- Trả trước cho người bán khác	700.180.000	-	890.576.002	-
	700.180.000	-	28.043.927.176	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

		30/06/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	Ngắn hạn				
a1)	Chi tiết theo nội dung				
	Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	903.224.631	-	20.244.013.698	-
	Phải thu về bảo hiểm xã hội	118.456.225	-	118.457.225	-
	Phải thu về bảo hiểm y tế	283.844	-	58.124	-
	Tạm ứng	55.224.682	-	3.672.640	-
	Phải thu người lao động	-	-	552.386.566	-
	Phải thu về bồi thường vật chất do va chạm tàu	-	-	3.730.072.222	-
	Phải thu về cho mượn vật tư	2.133.864.000	-	2.133.864.000	-
	Phải thu khác	3.131.724	-	-	-
		<u>3.214.185.106</u>	<u>-</u>	<u>26.782.524.475</u>	<u>-</u>
a2)	Chi tiết theo đối tượng				
	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	2.133.864.000	-	2.133.864.000	-
	Các đối tượng khác	1.080.321.106	-	24.648.660.475	-
		<u>3.214.185.106</u>	<u>-</u>	<u>26.782.524.475</u>	<u>-</u>
b)	Dài hạn				
	Chi tiết theo nội dung				
	Phải thu người lao động về bồi thường tổn thất	140.986.000	-	158.986.000	-
		<u>140.986.000</u>	<u>-</u>	<u>158.986.000</u>	<u>-</u>
c)	Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	2.133.864.000	-	2.133.864.000	-
		<u>2.133.864.000</u>	<u>-</u>	<u>2.133.864.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	471.463.812.307	625.059.678.415	125.591.167.427	19.124.165.995	1.241.238.824.144
- Mua trong kỳ	-	-	-	294.100.000	294.100.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	-	174.907.155.218	-	-	174.907.155.218
Số dư cuối kỳ	471.463.812.307	799.966.833.633	125.591.167.427	19.418.265.995	1.416.440.079.362
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	409.632.682.830	576.815.834.189	120.372.483.401	18.130.755.636	1.124.951.756.056
- Khấu hao trong kỳ	9.235.090.272	12.119.403.187	1.388.505.594	240.409.990	22.983.409.043
Số dư cuối kỳ	418.867.773.102	588.935.237.376	121.760.988.995	18.371.165.626	1.147.935.165.099
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	61.831.129.477	48.243.844.226	5.218.684.026	993.410.359	116.287.068.088
Tại ngày cuối kỳ	52.596.039.205	211.031.596.257	3.830.178.432	1.047.100.369	268.504.914.263

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 961.137.170.394 đồng.

(*) Tài sản cố định tăng trong kỳ từ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành là 02 căn trục chân đế sức nâng 45 tấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.016.883.325	-	859.024.770	-
Công cụ, dụng cụ	9.323.418.896	-	8.515.291.609	-
	10.340.302.221	-	9.374.316.379	-

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và phần mềm khai thác với nguyên giá là 6.235.104.700 đồng và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 30/06/2023 là 6.145.265.990 đồng, giá trị khấu hao trong kỳ là 58.189.972 đồng.

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.055.104.700 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	1.283.381.569	481.981.027
Công cụ dụng cụ, sửa chữa line chứa hàng	1.393.780.675	2.801.663.868
Chi phí thuê đất hàng năm	4.867.083.999	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	51.666.000	82.465.000
	7.595.912.243	3.366.109.895
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Minh Phương (*)	25.973.011.855	26.354.967.913
Chi phí trả trước dài hạn khác	87.384.163	119.234.335
	26.060.396.018	26.474.202.248

(*) Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTĐ - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty được thuê 44.417 m2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Công ty đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.561.421.672	1.561.421.672	7.389.906.344	7.389.906.344
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.561.421.672	1.561.421.672	7.389.906.344	7.389.906.344
Bên khác	7.950.240.315	7.950.240.315	16.983.032.883	16.983.032.883
- Công ty Cổ phần Vạn Xuân	1.151.616.950	1.151.616.950	1.198.384.740	1.198.384.740
- Công ty Cổ phần Thương mại Duy Linh	-	-	5.511.162.705	5.511.162.705
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Đầu tư và Phát triển Hà Linh	2.037.406.250	2.037.406.250	2.073.370.500	2.073.370.500
- Công ty Cổ phần Dịch vụ tàu biển Đình Vũ	1.493.305.000	1.493.305.000	1.637.496.000	1.637.496.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	3.267.912.115	3.267.912.115	6.562.618.938	6.562.618.938
	9.511.661.987	9.511.661.987	24.372.939.227	24.372.939.227

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Chi phí phải trả khác	642.695.336	21.681.905
	<u>642.695.336</u>	<u>21.681.905</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	434.176.818	217.780.118
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.069.894	13.069.894
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	201.710.269.350	1.786.669.350
- Phải trả tiền Bảo hành hợp đồng	3.496.639.583	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.771.193.228	4.650.633.528
	<u>209.425.348.873</u>	<u>6.668.152.890</u>

16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định (*)	75.211.524.842	8.000.000.000
- Dự phòng quỹ tiền lương	-	6.160.188.100
	<u>75.211.524.842</u>	<u>14.160.188.100</u>

(*) Trong đó, chi phí dự phòng sửa chữa cần trục STS 01 là 63,008 tỷ đồng.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 25).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	137.307.173.950	448.338.970.866	387.307.270.507	1.372.953.415.323
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	136.109.529.625	136.109.529.625
Phân phối lợi nhuận	-	-	43.626.799.699	(277.126.799.699)	(233.500.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	400.000.000.000	137.307.173.950	491.965.770.565	246.290.000.433	1.275.562.944.948
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	137.307.173.950	491.965.770.565	353.560.825.551	1.382.833.770.066
Lãi trong kỳ này	-	-	-	222.740.671.298	222.740.671.298
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(237.500.000.000)	(237.500.000.000)
Số dư cuối kỳ này	400.000.000.000	137.307.173.950	491.965.770.565	338.801.496.849	1.368.074.441.364

Theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 12 tháng 06 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13,51%	37.500.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 60% vốn điều lệ) (*)	86,49%	240.000.000.000
Trong đó: đã tạm ứng cổ tức năm 2022:		40.000.000.000

(*) Theo Nghị quyết số 25/NQ - HĐQT ngày 14 tháng 11 năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã công bố tạm ứng cổ tức năm 2022 với mức là 10% vốn điều lệ tương đương 40.000.000.000 tỷ VND. Công ty đã hoàn tất tạm ứng cổ tức trong năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	51,00%	204.000.000.000	51,00%	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Nông Sản	18,70%	74.800.000.000	18,70%	74.800.000.000
Các cổ đông khác	30,30%	121.200.000.000	30,30%	121.200.000.000
	<u>100%</u>	<u>400.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>400.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	<u>2023</u>	<u>2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>400.000.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>400.000.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	1.786.669.350	1.682.829.350
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(76.400.000)	(199.688.100.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<u>(76.400.000)</u>	<u>(199.688.100.000)</u>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>201.710.269.350</u>	<u>1.994.729.350</u>

d) Cổ phiếu

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	40.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	491.965.770.565	491.965.770.565
	<u>491.965.770.565</u>	<u>491.965.770.565</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

- Hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09/01/2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thuê khu đất tại phường Đông Hải 2, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng với diện tích là 221.415 m² với thời hạn thuê là 40 năm (từ ngày 19/08/2002 đến ngày 19/08/2042). Căn cứ quyết định số 4120/QĐ - CT của Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm (từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02 năm 2020). Sau thời gian được miễn giảm tiền thuê đất, Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo hàng năm.

- Hợp đồng thuê đất số 27/2025/HĐTĐ - MP ký ngày 12/06/2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương với tổng diện tích đất thuê là 44.417 m², thời hạn thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 35.292.100.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 11).

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	94.841,64	387.210,87
- Đồng Euro (EUR)	5,14	5,14

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản nợ được xử lý theo quy chế tài chính	1.786.179.934	1.786.179.934

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	261.540.987.530	299.367.024.704
	261.540.987.530	299.367.024.704
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	107.959.500	4.329.055.093
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)		

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	131.692.987.401	122.149.960.098
	131.692.987.401	122.149.960.098
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	5.894.361.172	629.827.860
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.994.617.179	15.702.195.153
Lãi thu hồi các khoản đầu tư	5.444.640.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.935.947.580	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.514.016.087	1.706.424.077
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	560.082.042	381.793.810
	98.449.302.888	17.790.413.040

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	623.314.667	6.167.793
	623.314.667	6.167.793

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.018.748	12.241.018
Chi phí nhân công	21.034.385.628	16.676.937.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.504.004	1.105.066.985
Chi phí dự phòng	-	115.450.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.535.855	9.090.910
Chi phí khác bằng tiền	9.507.413.042	6.741.797.553
	31.710.857.277	24.660.584.371

24 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt chậm giao hàng	5.130.208.295	-
Tiền đền bù sự cố va chạm tàu Tiger Maanshan vào cần trục STS 01 (*)	128.917.500.000	-
Thu nhập khác	10.661.663	21.890.049
	134.058.369.958	21.890.049

(*) Theo thỏa thuận giải quyết ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa Công ty TNHH Tiger Gas (HK) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ; và Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc Tàu Tiger Maanshan va vào cần trục STS 01 làm cần trục STS 01 di chuyển và va vào cần trục STS 02 của Cảng Đình Vũ ngày 10/08/2022, Công ty TNHH Tiger Gas (HK) chấp nhận bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ số tiền 5.500.000 USD cho toàn bộ thiệt hại phát sinh. Đến ngày 06 tháng 01 năm 2023 Công ty Cổ phần Cảng Đình Vũ đã nhận đủ số tiền bồi thường theo thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**25 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí sửa chữa và chi phí liên quan cần cầu trục STS 01 (*)	66.829.457.064	-
	66.829.457.064	-

(*) Trong đó chi phí sửa chữa cần trục STS 01 theo báo cáo tư vấn xác định thiệt hại và báo giá sửa chữa của nhà cung cấp.

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	263.192.043.967	170.362.615.531
Các khoản điều chỉnh tăng	560.849.000	902.814.000
- Chi phí không hợp lệ	560.849.000	902.814.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(61.496.029.622)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(60.935.947.580)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(560.082.042)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	202.256.863.345	171.265.429.531
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	40.451.372.669	34.253.085.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	18.077.086.367	14.864.440.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(23.105.730.787)	(28.462.518.310)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	35.422.728.249	20.655.008.347

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	222.740.671.298	136.109.529.625
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	222.740.671.298	136.109.529.625
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.569	3.403

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.140.465.802	9.455.009.559
Chi phí nhân công	69.142.795.481	55.434.647.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.967.673.015	25.231.687.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.489.727.597	34.510.274.004
Chi phí khác bằng tiền	30.663.182.783	22.063.475.299
Chi phí dự phòng	-	115.450.533
	163.403.844.678	146.810.544.469

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.733.240.024	-	-	27.733.240.024
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.999.438.405	140.986.000	-	52.140.424.405
Các khoản cho vay	1.226.000.000.000	-	-	1.226.000.000.000
	1.305.732.678.429	140.986.000	-	1.305.873.664.429
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.122.474.736	-	-	37.122.474.736
Phải thu khách hàng, phải thu khác	83.558.239.930	158.986.000	-	83.717.225.930
Các khoản cho vay	1.053.000.000.000	-	-	1.053.000.000.000
	1.173.680.714.666	158.986.000	-	1.173.839.700.666

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	218.937.010.860	-	-	218.937.010.860
Chi phí phải trả	642.695.336	-	-	642.695.336
	219.579.706.196	-	-	219.579.706.196
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	31.041.092.117	-	-	31.041.092.117
Chi phí phải trả	21.681.905	-	-	21.681.905
	31.062.774.022	-	-	31.062.774.022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên doanh
Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	<u>06 tháng đầu năm</u> <u>2023</u>	<u>06 tháng đầu năm</u> <u>2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	107.959.500	4.329.055.093
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	4.277.165.093
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	107.959.500	51.890.000
Mua hàng	5.894.361.172	629.827.860
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	5.894.361.172	629.827.860

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		<u>06 tháng đầu năm</u> <u>2023</u>	<u>06 tháng đầu năm</u> <u>2022</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát	Chức vụ		
Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	179.476.000	168.988.000
Chu Minh Hoàng	Ủy viên HĐQT	168.258.000	158.426.000
Cao Văn Tĩnh	Ủy viên HĐQT	168.258.000	158.426.000
Nguyễn Việt Hải	Ủy viên HĐQT	168.258.000	158.426.000
Trần Thị Thanh Hải	Trưởng BKS	168.258.000	158.426.000
Cao Xuân Hợp	Thành viên BKS	89.738.000	84.494.000
Vũ Hoàng Lâm	Thành viên BKS	89.738.000	84.494.000
Tiền lương người quản lý, người điều hành doanh nghiệp		2.025.131.908	2.120.982.566
Tiền lương của Tổng giám đốc	Chức vụ		
Cao Văn Tĩnh	Tổng Giám đốc	942.596.515	1.013.922.420

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

		
Lê Thị Hải Thành	Đoàn Minh Trung	Cao Văn Tĩnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2023

